


Số: 5545/BCT-ĐB

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2023

V/v kết quả triển khai Hiệp định  
CPTPP, EVFTA và UKVFTA  
của các Bộ, ngành, địa phương  
trong năm 2022

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

 Căn cứ theo Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019 phê duyệt Kế hoạch thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Dương (CPTPP) và Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2020 phê duyệt Kế hoạch thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) và Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực thi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len (UKVFTA), Bộ Công Thương đã có công văn các công văn số 7153/BCT-ĐB ngày 10 tháng 11 năm 2022, 7154/BCT-ĐB ngày 10 tháng 11 năm 2022, 7155/BCT-ĐB ngày 10 tháng 11 năm 2022, 7156/BCT-ĐB ngày 10 tháng 11 năm 2022 và 7157/BCT-ĐB ngày 10 tháng 11 năm 2022 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo tình hình triển khai Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA của cơ quan mình về cho Bộ Công Thương.

Cho đến nay, Bộ Công Thương đã nhận được báo cáo của 18/21 Bộ, ngành và 59/63 tỉnh, thành. Mặc dù Bộ Công Thương đã liên tục đôn đốc nhưng đến nay vẫn còn các Bộ là Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Y tế và các tỉnh, thành phố là Cao Bằng, Kiên Giang, Nam Định và Yên Bái chưa gửi báo cáo. Trên cơ sở các báo cáo nhận được, Bộ Công Thương đã tổng hợp và gửi công văn số 4589/BCT-ĐB ngày 13 tháng 7 năm 2023 xin ý kiến 63 tỉnh/thành, 18 Bộ, ngành và 14 Hiệp hội về báo cáo tổng hợp kết quả thực thi các FTA.

Tính cho đến ngày 12 tháng 8 năm 2023, Bộ Công Thương đã nhận được ý kiến góp ý của 40/63 tỉnh, thành, 12/18 Bộ, ngành và 01/14 Hiệp hội. Ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức được tổng hợp tại Phụ lục 1 của báo cáo này.

Bộ Công Thương đã tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và hiệp hội để hoàn chỉnh báo cáo và xin kính trình Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai thực hiện Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA của các Bộ, ngành, địa phương trong năm 2022 như sau:

## I. KẾT QUẢ CHUNG

### 1. Kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

#### a. Hiệp định CPTPP



Trong năm 2022, kim ngạch trao đổi thương mại giữa Việt Nam và các nước CPTPP đạt 104,5 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP đạt 53,6 tỷ USD, tăng 17,3% so với năm 2021. Kim ngạch nhập khẩu từ các nước CPTPP đạt 50,9 tỷ USD, tăng 11,3% so với năm 2021.

Xét về thị trường, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang 8/10 CPTPP đều tăng trưởng tích cực, có thị trường tăng tới 163% như Bru-nây. 3 thị trường mới có quan hệ FTA dù có Mê-hi-cô và Pê-ru ghi nhận mức tăng trưởng sụt giảm (Mê-hi-cô giảm 0,5% và Pê-ru giảm 5,5%) nhưng thị trường lớn nhất là Ca-na-đa vẫn tăng tới gần 20,1%.

Đáng chú ý, tỷ lệ sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ CPTPP (C/O CPTPP) của hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực và tăng đáng kể so với năm 2021, cụ thể, thủy sản tăng 41,7%, giày dép tăng 51,7%, dệt may tăng 185,2%, cà phê tăng 140,1%, rau quả tăng 62,3%, hạt điều tăng 39,4%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 23,5%, máy móc và thiết bị tăng 152,3%... Trong số các C/O mẫu CPTPP đã cấp cho hàng xuất khẩu đi các nước CPTPP, Ca-na-đa và Mê-hi-cô là 2 nước có tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP nhiều nhất với mức tương ứng là 13,7% và 30,8%.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu từ 8/10 nước CPTPP ghi nhận mức tăng trưởng dương, chẳng hạn Ôt-xtrây-li-a (tăng 27,3%), Niu Di-lân (tăng 12,42%), Nhật Bản (tăng 2,5%). Trong khi đó, nhập khẩu từ các nước CPTPP mới có quan hệ FTA như Ca-na-đa và Pê-ru có mức sụt giảm tương ứng là 6,4% và 5,9%. Ngoài ra, tỷ trọng của các thị trường này trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam còn rất thấp, cụ thể Ca-na-đa chiếm 0,2% (giảm so với năm 2021 là 0,23%), Mê-hi-cô chiếm 0,15% (tăng so với năm 2021 là 0,15%) và Pê-ru chiếm 0,02% (không thay đổi).

Thặng dư thương mại từ các nước CPTPP trong năm 2022 đạt 2,63 tỷ USD trong khi năm 2021 Việt Nam thâm hụt khoảng 74,5 triệu USD trong trao đổi thương mại với các nước CPTPP. Đặc biệt, *thặng dư thương mại từ trao đổi thương mại với 3 nước mới có quan hệ FTA là Ca-na-đa, Mê-hi-cô và Pê-ru trong năm 2022 lên tới 11 tỷ USD, chiếm 94% tổng thặng dư thương mại năm 2022 của Việt Nam và tăng 6,7% so với năm 2021.*

Tuy nhiên, đáng lưu ý là mặc dù các thị trường FTA mới có quan hệ FTA đem lại thặng dư thương mại lớn cho Việt Nam nhưng *tỷ trọng các thị trường này trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam còn rất khiêm tốn, cụ thể Ca-na-đa chỉ chiếm 1,7%, Mê-hi-cô chiếm 1,22% và Pê-ru chiếm 0,14%.*

Về phía địa phương, trong số các tỉnh thành có báo cáo số liệu xuất nhập khẩu, có 52/63 tỉnh đã phát sinh hoạt động xuất khẩu với các nước CPTPP, tăng 11 tỉnh so với năm 2021. Địa phương có trao đổi thương mại với các nước CPTPP lớn



nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp theo là Bình Phước, Bắc Ninh, Hà Nội và Thái Nguyên. Các mặt hàng xuất khẩu từ các địa phương sang các nước CPTPP bao gồm nhiều hàng dệt may; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại và linh kiện; phương tiện vận tải và phụ tùng v.v.

### **b. Hiệp định EVFTA**

Trong năm 2022, kim ngạch trao đổi thương mại giữa Việt Nam và các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) đạt 62,24 tỷ USD, tăng 9,2% với năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước EU đạt 46,8 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm 2021. Kim ngạch nhập khẩu từ các nước EVFTA đạt 15,4 tỷ USD, giảm 8,6% so với năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu sang EU theo mẫu C/O theo EVFTA (mẫu EUR.1) đạt 12,1 tỷ USD, chiếm 25,9% xuất khẩu chung sang EU, tăng 49,4% so với năm 2021. Nhiều mặt hàng quan trọng của Việt Nam xuất khẩu sang EU tiếp tục có tỷ lệ tận dụng tích cực, ví dụ thủy sản đạt 82,9% (tăng 29,5% so với năm 2021), rau quả đạt 72,6% (tăng 34,2%), giày dép đạt 99,5% (tăng 49,7%), dệt may đạt 15,7% (tăng 43,4%), gỗ và sản phẩm gỗ đạt 14,2% (tăng 85,2%)... Các thị trường xuất khẩu chính là Hà Lan (chiếm 22,3%), Đức (chiếm 19,2%), I-ta-li-a (chiếm 9,5%), Bỉ (chiếm 8,5%), Pháp (chiếm 7,9%)...

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ EU ghi nhận mức sụt giảm so với năm 2021. Nhiều mặt hàng nhập khẩu quan trọng từ EU như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 8,6%, máy móc, thiết bị giảm 15,9%, dược phẩm giảm 4,5%, sản phẩm hóa chất giảm 1,7%, nguyên phụ liệu dệt may, da giày giảm 21,4%, máy móc thiết bị giảm 15,9%... Các thị trường nhập khẩu chính trong khối EU là Đức (chiếm 23,5%), Ai-len (chiếm 21,7%), I-ta-li-a (chiếm 11,6%), Pháp (chiếm 10,6%)...

Thặng dư thương mại của Việt Nam với các nước EU trong năm 2022 đạt 31,4 tỷ USD, tăng 35,1% so với năm 2021. *Tuy nhiên, dù có mức thặng dư thương mại lớn thứ 2, chỉ sau Hoa Kỳ nhưng tỷ trọng thị trường EU trong tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam còn chưa cao, tương ứng là 12,6% và 4,3%.*

Về phía địa phương, trong số các tỉnh thành có báo cáo số liệu xuất nhập khẩu, có 49/63 tỉnh đã phát sinh hoạt động xuất khẩu với các nước EVFTA, tăng 11 tỉnh so với năm 2021. Địa phương có trao đổi thương mại với các nước EVFTA lớn nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp theo là Bắc Ninh, Thái Nguyên và Hà Nội. Các mặt hàng xuất khẩu từ các địa phương sang các nước EVFTA bao gồm nhiều máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại và linh kiện; giày dép; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác,...



### **c. Hiệp định UKVFTA**

Trong năm 2022, kim ngạch trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đạt 6,8 tỷ USD, tăng 3,3% với năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh đạt 6,1 tỷ USD, tăng 5,2% so với năm 2021. Kim ngạch nhập khẩu từ Vương quốc Anh đạt 771 triệu USD, giảm 9,8% so với năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu sang Vương quốc Anh theo mẫu C/O EUR.1 đạt 1,4 tỷ USD, chiếm 23,5% xuất khẩu chung sang Vương quốc Anh, tăng ..... so với năm 2021. Nhiều mặt hàng quan trọng của Việt Nam xuất khẩu sang Vương quốc Anh tiếp tục có tỷ lệ tận dụng tích cực, ví dụ thủy sản đạt 82,9% (tăng 29,5% so với năm 2021), rau quả đạt 72,6% (tăng 34,2%), giày dép đạt 99,5% (tăng 49,7%), dệt may đạt 15,7% (tăng 43,4%), gỗ và sản phẩm gỗ đạt 14,2% (tăng 85,2%)...

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ Vương quốc Anh ghi nhận mức sụt giảm so với năm 2021. Nhiều mặt hàng nhập khẩu quan trọng từ EU như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 8,6%, máy móc, thiết bị giảm 15,9%, dược phẩm giảm 4,5%, sản phẩm hóa chất giảm 1,7%, nguyên phụ liệu dệt may, da giày giảm 21,4%... Các thị trường nhập khẩu chính trong khối EU là Đức (chiếm 23,5%), Ai-len (chiếm 21,7%), I-ta-li-a (chiếm 11,6%), Pháp (chiếm 10,6%)...

Thặng dư thương mại của Việt Nam với Vương quốc Anh trong năm 2022 đạt 5,6 tỷ USD, tăng 7,8% so với năm 2021. Tuy nhiên, tỷ trọng thị trường Vương quốc Anh trong tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam còn chưa cao, tương ứng là 1,6% và 0,2%.

Về phía địa phương, trong số các tỉnh thành có báo cáo số liệu xuất nhập khẩu, có 44/63 tỉnh đã phát sinh hoạt động xuất khẩu với Vương quốc Anh, tăng 13 tỉnh so với năm 2021. Địa phương có trao đổi thương mại với Vương quốc Anh là Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp theo là Ninh Bình, Thái Nguyên, và Lâm Đồng. Các mặt hàng xuất khẩu từ các địa phương sang Vương quốc Anh bao gồm nhiều điện thoại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác; hàng dệt may; giày dép; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện.

## **2. Kết quả hoạt động thu hút đầu tư**

### **a. Hiệp định CPTPP**

Trong năm 2022, Việt Nam thu hút được khoảng gần 11,5 tỷ USD tổng vốn đầu tư từ các nước CPTPP, tăng 2,6 tỷ USD so với năm 2021. Số dự án cấp mới đạt 577, tăng 77 dự án so với năm 2021. Các Thành viên CPTPP có tổng vốn đăng ký đầu tư vào Việt Nam nhiều nhất là Xinh-ga-po với 6,4 tỷ USD, Nhật Bản với 4,7 tỷ USD.



Trong số các nước CPTPP đầu tư vào Việt Nam, chỉ có 3/10 nước CPTPP ghi nhận tăng vốn đầu tư, trong đó Nhật Bản là nước có mức độ tăng vốn đầu tư mạnh nhất (tăng 598 triệu USD và 4 dự án). Trong số các nước CPTPP có mức độ sụt giảm vốn đầu tư nhiều nhất phải kể đến là Xinh-ga-po (giảm 3,8 triệu USD), Ôt-xtrây-li-a (giảm 31 triệu USD), Ma-lai-xia (13,9 triệu USD) và Ca-na-đa (giảm 8,42 triệu USD),...

Ở cấp độ địa phương, do số liệu báo cáo của phần lớn các tỉnh, thành trên cả nước không có hoặc không rõ ràng, chưa phân tách được các khoản đầu tư theo năm hoặc theo nước mà chỉ gộp chung lại tính lũy kế nên chưa tổng kết được kết quả thu hút đầu tư từ các nước CPTPP trong năm 2022 theo từng địa bàn.

### ***b. Hiệp định EVFTA***

Năm 2022, EU có 146 dự án đầu tư được cấp mới tại Việt Nam, mặc dù có sự giảm nhẹ so với năm 2021 (giảm 12 dự án) tuy nhiên, quy mô vốn lại tăng. Theo đó, vốn đăng ký cấp mới trong năm 2022 đạt 15 tỷ USD (tăng 13 tỷ USD so với năm 2021). Tổng vốn đăng ký cũng đạt 24 tỷ USD (tăng 10 tỷ USD so với năm 2021).

Trong số các nước EU đầu tư vào Việt Nam, chỉ có 11/26 nước EU ghi nhận tăng vốn đầu tư, cụ thể là Đan Mạch (tăng 1.307 triệu USD), Pháp (tăng 35 triệu USD), Lúc-xăm-bua (tăng 34 triệu USD) và Thụy Điển (tăng 26 triệu USD). Trong số các nước EU có mức độ sụt giảm vốn đầu tư nhiều nhất phải kể đến Hà Lan (giảm 755 triệu USD), Đức (giảm 27 triệu USD),...

Theo lĩnh vực, 05 nhóm ngành mà EU đầu tư nhiều nhất tại Việt Nam là Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy; Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ; Thông tin và truyền thông và Giáo dục và đào tạo.

Tương tự như Hiệp định CPTPP nêu ở trên, số liệu báo cáo từ phần lớn của các tỉnh, thành chưa rõ ràng, có nơi thậm chí chưa phân tách đầu tư từ các nước EU và các nước CPTPP nên chưa thể tổng kết được kết quả thu hút đầu tư từ các nước EU kể từ khi EVFTA có hiệu lực như thế nào.

### ***c. Hiệp định UKVFTA***

Trong năm 2022, Việt Nam thu hút được gần 134,7 triệu USD vốn đầu tư từ Vương quốc Anh, giảm 55,4% so với năm 2021. Số dự án cấp mới đạt 53, giảm 5 dự án so với năm 2021. Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu của Vương quốc Anh là công nghiệp chế biến, chế tạo; kinh doanh bất động sản; khai khoáng.

Tương tự như các Hiệp định CPTPP và EVFTA, số liệu báo cáo từ phần lớn của các tỉnh, thành chưa rõ ràng, có nơi thậm chí chưa phân tách đầu tư từ các



nước EU, các nước CPTPP và Vương quốc Anh nên chưa thể tổng kết được kết quả thu hút đầu tư từ Vương quốc Anh kể từ khi UKVFTA có hiệu lực như thế nào.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH CPTPP VÀ EVFTA

### 1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA

#### a. Công tác phổ biến và tập huấn

Công tác phổ biến và tập huấn về các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA tiếp tục được triển khai nhưng số lượng các hội nghị, hội thảo và tập huấn đã giảm đáng kể.

Ở các địa phương, đã có 175 hội nghị, hội thảo và tập huấn được tổ chức, giảm khoảng 103 so với năm 2021. Trong đó, số lượng đối với Hiệp định CPTPP là 82 (giảm 93), EVFTA là 56 (giảm 33) và UKVFTA là 37 (tăng 23). Nhìn chung, các địa phương khi tổ chức thường kết hợp tuyên truyền chung cho các FTA, đặc biệt là Hiệp định CPTPP và EVFTA, chứ ít tổ chức riêng cho một FTA cụ thể. Ngoài ra, có khoảng 21/63 tỉnh, thành không tổ chức hoạt động phổ biến và tập huấn về các FTA.

Ở cấp Trung ương, đã có 189 hội nghị, hội thảo và tập huấn được tổ chức, tăng khoảng 64 so với năm 2021. Trong đó, số lượng đối với Hiệp định CPTPP là 165 (tăng 59), EVFTA là 20 (tăng 8) và UKVFTA là 10 (tăng 3). Số lượng tăng nhiều như vậy chủ yếu đến từ Ngân hàng Nhà nước với 146 khóa tập huấn chung cho các FTA. Ngoài ra, chỉ có 8/22 Bộ, ngành có hoạt động phổ biến và tập huấn về các FTA.

- *Tổ chức xây dựng video clips:* Trong năm 2022, Bộ Công Thương đã xây dựng và đăng tải 58 video ngắn được thiết kế trực quan và sinh động dựa trên thông tin cung cấp từ các chuyên gia đã từng trực tiếp tham gia đàm phán Hiệp định, cụ thể 20 video về Hiệp định CPTPP, 25 video về EVFTA và 13 video về UKVFTA. Về nội dung, các clip này được xây dựng không chỉ diễn giải các cam kết về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư mà còn đi sâu vào từng ngành hàng, dịch vụ cụ thể, các cam kết về lao động, môi trường, và cả các nội dung khác đang rất được quan tâm hiện nay. Bên cạnh đó, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã xây dựng và đăng tải trên website một số video ngắn về các cam kết lao động trong EVFTA và những nội dung liên quan Bộ luật lao động 2019, cam kết về lao động và cơ chế thực thi trong EVFTA.

- *Tổ chức thông tin báo chí và xuất bản phẩm:* Bộ Công Thương đã biên soạn và xuất bản hàng loạt các ấn phẩm trực tuyến về Hiệp định CPTPP, EVFTA,



UKVFTA và RCEP trong các lĩnh vực, ngành hàng, thị trường cụ thể, bao gồm Yếu tố lao động và môi trường trong Hiệp định CPTPP: Những vấn đề cần lưu ý; Hướng dẫn nhập khẩu từ thị trường CPTPP vào Việt Nam, Yếu tố Phát triển bền vững trong Hiệp định EVFTA và UKVFTA: Những vấn đề cần lưu ý; Hướng dẫn nhập khẩu từ thị trường EU vào Việt Nam, Hướng dẫn xuất khẩu vào thị trường UK từ Việt Nam, v.v.. Ngoài ra, tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 24 tháng 10 năm 2022 đã có 42.680 tin, bài trên báo chí điện tử thông tin liên quan đến các hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực. Trước những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine, báo chí đã thông tin về ưu đãi của các FTA và lợi ích cho doanh nghiệp Việt Nam từ các ưu đãi trong FTA, qua đó góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình phục hồi sản xuất, kinh doanh và thực thi cam kết.

- *Triển khai và vận hành Cổng thông tin điện tử quốc gia về Hiệp định Thương mại Tự do (FTAP) tại địa chỉ <https://fta.gov.vn/>: Hiện nay, Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để vận hành và nâng cấp FTAP.*

#### ***b. Thiết lập Đầu mối thông tin về các FTA***

Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì đảm nhiệm, thúc đẩy và làm tốt vai trò là đơn vị tiếp nhận và trả lời các câu hỏi từ các cơ quan quản lý cấp địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân liên quan đến Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP. Tính cho đến nay, Bộ Công Thương đã nhận được 8 câu hỏi (thông qua đường thư điện tử) và hàng loạt yêu cầu giải thích chính thức (thông qua đường công văn) trong năm 2022. Các vướng mắc chủ yếu của các doanh nghiệp và người dân liên quan tới việc hiểu và thực thi các cam kết của các Hiệp định này có nhiều nội dung phức tạp, đòi hỏi phải có một đội ngũ chuyên trách có chuyên môn sâu thường trực hỗ trợ cho các cơ quan quản lý cấp địa phương cũng như doanh nghiệp hiểu và thực thi đúng các cam kết này.

Về phía các tỉnh thành, hiện mới chỉ có 46/63 tỉnh thành phố đã thiết lập đầu mối thông tin về CPTPP, EVFTA và UKVFTA, còn lại 17 tỉnh, thành phố chưa thiết lập đầu mối thông tin về vấn đề này. Do đó, việc kết nối, trao đổi thông tin trong triển khai thực thi các FTA này chưa đạt kết quả tối ưu.

#### ***c. Củng cố mạng lưới, tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác thông tin, dự báo thị trường xuất nhập khẩu, thị trường trong nước***

Bộ Công Thương tiếp tục duy trì việc yêu cầu hệ thống Thương vụ tăng cường nghiên cứu thị trường nước sở tại thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất để cập nhật thị trường CPTPP và EVFTA, từ đó đưa ra những nhận định và phân tích chuyên sâu phục vụ cho việc dự báo. Nội dung thông tin mà hệ thống Thương vụ cung cấp bao gồm chính sách xuất nhập khẩu của các nước CPTPP và EVFTA, các



yêu cầu kỹ thuật, vấn đề pháp lý, các biện pháp phòng vệ thương mại, xác minh nguồn hàng, đối tác v.v.

Bên cạnh đó, các Thương vụ Việt Nam tại các địa bàn trong khuôn khổ các Hiệp định đã chủ động phổ biến, giới thiệu về các hiệp định, cũng như các ưu đãi, lợi thế so sánh của hàng hóa Việt Nam trong các FTA này tới các cơ quan hữu quan, cộng đồng doanh nghiệp, người dân tại sở tại thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, hội nghị, hội thảo chuyên ngành

## **2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế**

### ***a. Sửa đổi, ban hành và rà soát văn bản pháp luật***

Cho đến nay, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành và đơn vị có liên quan đã sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các FTA, cụ thể: Hiệp định CPTPP có 23 văn bản, Hiệp định EVFTA có 11 văn bản, Hiệp định UKVFTA có 06 văn bản.

Về cơ bản, Việt Nam đã sửa đổi, ban hành mới khá đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật (cả ở cấp độ luật và dưới luật) để kịp thời thực thi các quy định có hiệu lực ngay đối với CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP. Một số văn bản được ban hành muộn hơn nhưng đều được áp dụng hồi tố kể từ thời điểm Hiệp định có hiệu lực để bảo đảm lợi ích của doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan trong quá trình thực thi cam kết, ví dụ như trong lĩnh vực thuế và mua sắm của Chính phủ.

Bên cạnh đó, các cơ quan Chính phủ, Bộ, ngành thường xuyên theo dõi, rà soát và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Luật, Nghị định, Thông tư sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các cam kết trong các FTA và Điều ước quốc tế mà ta là thành viên. Các tỉnh, địa phương chủ động rà soát, xây dựng, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách do địa phương, tỉnh ban hành, qua đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với các VBQPPL nhà nước và các cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế.

### ***b. Phối hợp với các thành viên các FTA này xây dựng, hoàn thiện thiết chế thực thi các FTA này***

#### ***Hiệp định CPTPP***

Trong năm 2022, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chuẩn bị nội dung và tham dự phiên họp Hội đồng cấp Bộ trưởng Hiệp định CPTPP lần thứ 6 diễn ra tại Xinh-ga-po vào ngày 08 tháng 10 năm 2022. Kết thúc phiên họp, các Bộ trưởng các nước Thành viên CPTPP đã thông qua Tuyên bố chung cấp Bộ trưởng Hiệp định CPTPP lần thứ 6. Ngoài ra, Bộ đã chủ trì hoặc



phối hợp tham gia các phiên họp của các Ủy ban/Hội đồng/Nhóm công tác chuyên môn trong các lĩnh vực khác nhau.

### *Hiệp định EVFTA*

Việt Nam và EU đã tiến hành nhiều phiên làm việc cấp Lãnh đạo Bộ và cấp kỹ thuật trong năm 2022 như: Phiên họp của Ủy ban Thương mại (cấp Bộ trưởng), Phiên họp của Ủy ban Thương mại Hàng hoá, Ủy ban SPS, Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững và nhiều phiên họp cấp kỹ thuật khác để rà soát tình hình thực thi cũng như giải đáp thắc mắc của cả hai bên trong quá trình triển khai các cam kết của Hiệp định. Nhiều nội dung quan tâm và vướng mắc của EU đã được phía Việt Nam giải thích và làm rõ để đảm bảo hiệu quả cao nhất trong quá trình thực thi và tận dụng những cam kết tiêu chuẩn cao trong Hiệp định này.

Về tình hình thành lập Nhóm tư vấn trong nước Việt Nam (DAG Việt Nam), tính đến thời điểm hiện tại, Nhóm DAG Việt Nam có tổng cộng 7 tổ chức thành viên. Hiện nay, Bộ Công Thương đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tiếp tục tiếp nhận và xử lý đơn xin tham gia của một số tổ chức có quan tâm theo quy định.

Về việc xây dựng danh sách ứng viên Hội đồng chuyên gia thực thi Chương 13 (Thương mại và Phát triển bền vững) Hiệp định EVFTA: Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng danh sách sơ bộ các ứng viên Hội đồng chuyên gia. Trên cơ sở đó, hiện nay Bộ Công Thương đang hoàn thiện dự thảo văn bản trình Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang phê duyệt các danh sách Hội đồng chuyên gia cho Hiệp định.

### *Hiệp định UKVFTA*

Trong năm 2022, Việt Nam đã phối hợp với Vương quốc Anh thành lập các thiết chế như Ủy ban Thương mại, các Ủy ban chuyên môn như Thương mại hàng hóa, Thương mại dịch vụ, Đầu tư và Thương mại điện tử, Thương mại và Phát triển bền vững, nhóm công tác theo quy định để thực thi Hiệp định; và tổ chức các phiên họp của các Ủy ban này. Đối với việc thành lập Nhóm DAG trong khuôn khổ UKVFTA, Nhóm DAG Việt Nam (được thành lập trong khuôn khổ EVFTA) sẽ đảm nhiệm vai trò Nhóm DAG cho UKVFTA. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng danh sách sơ bộ các trọng tài viên và ứng viên Hội đồng chuyên gia theo quy định về giải quyết tranh chấp và thương mại và phát triển bền vững Hiệp định UKVFTA. Hiện nay, Bộ Công Thương đang hoàn thiện dự thảo văn bản trình Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang phê duyệt các danh sách này.

***c. Điều phối việc tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác nước ngoài trong quá trình thực thi các FTA này***



Với tư cách là cơ quan đầu mối tiếp nhận và điều phối hỗ trợ kỹ thuật của các thành viên CPTPP để thực hiện các Hiệp định, Bộ Công Thương đã phối hợp cùng các Bộ, ngành liên quan tiếp nhận và triển khai dự án hỗ trợ kỹ thuật EDM của Ca-na-đa tập trung vào 5 nhóm vấn đề là (i) Xây dựng năng lực về xây dựng chính sách thương mại; (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME); (iii) Nông nghiệp; (iv) Sở hữu trí tuệ. Dự án có sự tham gia của 4 Bộ là Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hiện nay, Việt Nam đang xây dựng nội dung các hoạt động đề xuất triển khai trong năm tiếp theo để trao đổi với phía dự án EDM của Ca-na-đa.

Liên quan đến EVFTA, Bộ Công Thương đang triển khai dự án “Hỗ trợ hội nhập khu vực ASEAN – Hỗ trợ Liên quan đến Thương mại dành cho Việt Nam (ARISE+ Việt Nam)” do EU tài trợ trong đó có cấu phần hỗ trợ thực thi Hiệp định EVFTA. Các hoạt động của Dự án trong năm 2021 tiếp tục được triển khai và đã được gia hạn thêm 6 tháng để hoàn thành các hoạt động.

### 3. Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực

Tình hình triển khai các hoạt động hỗ trợ và nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng chính sách và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực, khu vực trong phạm vi quản lý, tập trung vào các nhóm biện pháp sau đây:

*a. Xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu*

Về phía các Bộ, ngành, căn cứ vào báo cáo, các Bộ, ngành đã triển khai được 32 chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp, cụ thể là Bộ Kế hoạch và Đầu tư (13), Ngân hàng nhà nước (8), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (5), Bộ Giao thông vận tải (3) và Bộ Tài chính (2). Trong đó, đáng chú ý là Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025. Hiện nay, Bộ KHĐT đang trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình theo Quyết định này. Đối với các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, Bộ KHĐT đang triển khai các chính sách hỗ trợ đối tượng này theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), bao gồm hoạt động đào tạo, hỗ trợ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và hỗ trợ chuyên đổi số cho DNNVV.

Về phía các tỉnh, thành phố, căn cứ vào báo cáo, các tỉnh thành phố đã triển khai được 209 chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành



hàng, doanh nghiệp. Đáng chú ý là các chương trình như hỗ trợ tài chính với các chương trình bình ổn thị trường, chương trình cho vay đối với các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp (Thành phố Hồ Chí Minh), hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp (Quảng Ngãi), xây dựng chuỗi cung ứng xuất khẩu thịt gà sang Nhật Bản (Đồng Nai), xây dựng chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (Lạng Sơn, Quảng Nam...), xây dựng và thực thi kế hoạch phát triển thương mại điện tử để hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, đầu tư trực tuyến (Bình Dương, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh), tăng cường tổ chức rộng rãi các hoạt động hội chợ giới thiệu hàng Việt Nam (Đồng Nai, Hà Nội, Long An, Phú Thọ), đẩy mạnh chương trình kết nối doanh nghiệp và ngân hàng để ưu tiên vốn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Hải Dương, Hải Phòng), khuyến khích tham gia các chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn (Cần Thơ)...

***b. Đẩy mạnh việc dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh***

Tăng cường đào tạo nhân lực có tay nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập; bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động, đặc biệt nhu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các khu vực kinh tế trọng điểm. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp, tăng cường hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Triển khai hợp tác với doanh nghiệp theo một số hướng: đẩy mạnh ký kết các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp theo các hình thức, xây dựng các chương trình đào tạo, và các khóa học được phát triển giữa các nhà trường và các doanh nghiệp, khuyến khích và triển khai các chính sách để các bên liên quan cùng đồng hành thực hiện các chương trình thực hành, thực tập tại doanh nghiệp. Hoạt động này được thực hiện chủ yếu ở cấp địa phương và chủ yếu lồng ghép với các chương trình đào tạo dạy nghề chung. Đáng chú ý là một số địa phương có các hoạt động nổi bật như xây dựng chương trình đào tạo nghề trực tuyến (Bình Dương), tăng cường công tác phối hợp trong giáo dục nghề nghiệp giữa Nhà nước – Nhà trường – Nhà doanh nghiệp (Quảng Ninh)...

***c. Xây dựng và hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật***

Về phía các Bộ, ngành, căn cứ trên báo cáo, vấn đề này chưa được thể hiện rõ ràng nên chưa có thông tin để tổng hợp và đánh giá.

***d. Tăng cường sử dụng hệ thống cảnh báo sớm trong lĩnh vực phòng vệ thương mại (PVTM); chủ động xây dựng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với các quy định và cam kết quốc tế; xây dựng và củng cố cơ chế liên ngành, địa phương trong các vụ việc phòng vệ thương mại; hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với các vụ điều tra phòng vệ thương mại***

Ngoài các Hội thảo, tập huấn thường xuyên về công tác phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương đã xây dựng 02 báo cáo phân tích, đánh giá các biện pháp



phòng vệ thương mại đối với Ôt-xtrây-li-a và Ca-na-da trong CPTPP và EU trong EVFTA đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và đề xuất giải pháp phát triển bền vững trong giai đoạn 2022-2025 và 01 báo cáo phân tích số liệu nhập khẩu từ Việt Nam vào EU đối với những mặt hàng mà EU đang áp dụng biện pháp PVTM với Trung Quốc để ngăn chặn các hành vi lẩn tránh bất hợp pháp. Qua đó, doanh nghiệp, hiệp hội thuộc các ngành hàng theo dõi sát được tình hình xuất khẩu để có các biện pháp xử lý kịp thời trong các trường hợp có thể bị điều tra phòng vệ thương mại hoặc ngăn chặn các hành vi lẩn tránh bất hợp pháp khi mở rộng, xuất khẩu sang thị trường CPTPP và EU, góp phần tuyên truyền phổ biến kiến thức và nâng cao nhận thức về PVTM ở nhiều cấp độ khác nhau cho cộng đồng doanh nghiệp cũng như các cơ quan Nhà nước có liên quan.

***e. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, triển khai các biện pháp cải thiện, nâng cao năng suất lao động và các ngành sản xuất***

Về phía các Bộ, ngành, căn cứ trên báo cáo, vấn đề này chưa được thể hiện rõ ràng nên chưa có thông tin để tổng hợp và đánh giá.

Về phía các địa phương, có 26/59 tỉnh, thành có báo cáo về việc ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất lao động. Đáng chú ý là Thành phố Hồ Chí Minh triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các chương trình hỗ trợ trực tiếp công cụ quản trị, nâng cao năng suất; Thái Nguyên cấp kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với kết quả tích cực như mô hình nuôi ngọc trai lấy ngọc, trồng cây sâm Bồ Chính...; Phú Yên hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may về máy móc tiên tiến; Ninh Bình hỗ trợ các doanh nghiệp chuẩn hóa các sản phẩm OCOP, thúc đẩy việc nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho nông dân, Hà Tĩnh triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng cho sản phẩm hàng hóa.

***f. Tăng cường các biện pháp, cơ chế khuyến khích, định hướng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kết nối với doanh nghiệp nội địa, góp phần vào việc hình thành chuỗi cung ứng***

Có 6/58 tỉnh có báo cáo về việc hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước kết nối với các doanh nghiệp nước ngoài. Cụ thể, Thành phố Hồ Chí Minh triển khai một số hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp trong thành phố với các doanh nghiệp nước ngoài; Bà Rịa-Vũng Tàu đã giới thiệu, kết nối Hiệp hội doanh nghiệp trong tỉnh với các doanh nghiệp Tây Úc; Hà Nội tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp I-ta-li-a.

***g. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các ngành kỹ thuật – công nghệ, luật, tài chính...***



Hầu hết các tỉnh/thành đều chú ý đến việc phát triển nguồn nhân lực, trong đó có nhân lực chất lượng cao, chủ yếu dưới các hình thức đào tạo nghề, tổ chức các khóa tập huấn nâng cao năng lực trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, logistics...

*h. Tiến hành đánh giá định lượng những tác động của Hiệp định CPTPP và EVFTA đối với các ngành sản xuất, cung cấp dịch vụ để từ đó đề xuất các biện pháp cụ thể*

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành báo cáo “Đánh giá định lượng tác động của Hiệp định EVFTA sau đại dịch Covid đối với các mặt kinh tế - xã hội cũng như các ngành cụ thể, kiến nghị các biện pháp ứng phó kịp thời” và báo cáo “Nghiên cứu giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA” trong năm 2022.

**4. Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp**

*a. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ lao động, tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.*

*Về phê chuẩn và thực hiện các Công ước của ILO:*

Thời gian vừa qua, với sự nỗ lực của Chính phủ Việt Nam và các bên liên quan, tính đến hết tháng 12 năm 2022, Việt Nam đã gia nhập 25 Công ước của ILO, gồm 9/10 Công ước cơ bản, 3/4 Công ước quản trị và 13 Công ước kỹ thuật. Điều này thể hiện sự nỗ lực của Việt Nam trong việc nghiên cứu phê chuẩn các Công ước phù hợp của ILO, thể hiện sự nghiêm túc trong việc thực thi các cam kết lao động trong Hiệp định CPTP, EVFTA và UKVFTA.

Đối với Công ước 98 – Áp dụng những nguyên tắc của quyền tổ chức và thương lượng tập thể và Công ước số 105 – Xóa bỏ lao động cưỡng bức: Sau khi Quốc hội phê chuẩn việc gia nhập 2 Công ước nêu trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện theo Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2021 và Quyết định số 2234/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021.

Nội dung các Công ước trên đều được nội luật hóa trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đặc biệt là Bộ luật Lao động 2019. Sau gần 03 năm thực hiện, dù bị tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 nhưng các quy định của Bộ luật lao động 2019 cơ bản được cộng đồng doanh nghiệp và người lao động thực hiện tương đối tốt, không có khó khăn, vướng mắc lớn. Năm 2021, Chính phủ Việt Nam đã nộp Báo cáo quốc gia lần một về tình hình thực hiện Công ước số 98. Năm 2023, Việt Nam đã xây dựng và gửi ILO báo cáo lần 2 về tình hình thực hiện Công ước số 98 và báo cáo lần đầu thực hiện Công ước số 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức.



Đối với Công ước số 87 – Quyền tự do hiệp hội, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành kế hoạch nghiên cứu, đề xuất gia nhập Công ước số 87. Kế hoạch đã xác định 7 nhóm công việc cụ thể sẽ được thực hiện để đề xuất gia nhập Công ước và thúc đẩy hoàn thiện các tài liệu trong Hồ sơ gia nhập Công ước theo quy định của Luật Điều ước quốc tế để trình cơ quan có thẩm quyền thảo luận và cho ý kiến.

Mặc dù chưa phê chuẩn nhưng những nội dung cơ bản của Công ước đã được nội luật hóa trong Bộ Luật Lao động 2019, cụ thể là vấn đề tổ chức của người lao động không thuộc hệ thống Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và hoạt động của tổ chức này trong việc đại diện, bảo vệ quyền lợi của người lao động trong quan hệ lao động. Một số nội dung khác phức tạp, cần trao đổi, thảo luận kỹ lưỡng để tạo sự đồng thuận khi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia nhập.

#### *Về việc sửa đổi, bổ sung pháp luật về lao động:*

Tính đến nay, trong lĩnh vực lao động, Việt Nam đã ban hành Bộ Luật Lao động 2019 và sau đó là 05 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 02 Thông tư để triển khai thực hiện Bộ Luật Lao động 2019. Nghị định quy định về tổ chức đại diện người lao động và thương lượng tập thể chứa đựng nhiều nội dung mới, phức tạp, chưa có tiền lệ đối với hệ thống pháp luật Việt Nam cần tiếp tục được nghiên cứu, xây dựng Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thảo luận, cho ý kiến trước khi ban hành.

Tại địa phương, hầu hết các tỉnh, thành đều chú trọng công tác nâng cao đời sống cho người lao động, tăng cường công tác hòa giải giữa người lao động và doanh nghiệp, đôn đốc các tổ chức công đoàn trên địa bàn tỉnh chủ động làm việc với các chủ doanh nghiệp giải quyết những nội dung kiến nghị, vướng mắc, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Tuy nhiên, về cơ bản phần lớn các hoạt động do các tỉnh, thành tiến hành chủ yếu là các hoạt động nâng cao đời sống của công đoàn viên, chưa đi sâu vào việc nghiên cứu xử lý những điểm mới của Bộ luật lao động sửa đổi, đặc biệt vấn đề về tổ chức của người lao động tại cơ sở.

***b. Kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước có chức năng quản lý việc thành lập và hoạt động của các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp.***

Trên cơ sở Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, kế thừa quy định về nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ thực



hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp. Đồng thời, Bộ LĐTBXH đã chỉ đạo Cục Quan hệ lao động và Tiền lương sắp xếp, bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ này. Ngoài ra, Bộ LĐTBXH đã xây dựng Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở LĐTBXH thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Theo đó, Sở LĐTBXH có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật lao động về việc đăng ký và quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## 5. Chính sách an sinh, xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

### *a. Xây dựng và ban hành đồng bộ các chính sách xã hội, bao gồm chính sách hỗ trợ về tài chính, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp*

Hiện nay, Bộ LĐTBXH đang nghiên cứu và khẩn trương hoàn thiện các dự án luật liên quan tới lĩnh vực xã hội bao gồm:

- Xây dựng Nghị quyết mới về chính sách xã hội cho giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2045, dự kiến trình Ban chấp hành Trung ương vào kỳ họp tháng 10 tới. Dự kiến Nghị quyết này sẽ thay thế Nghị quyết số 15/NQ-TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương về một số vấn đề xã hội giai đoạn 2012-2020 với những đột phá về cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

- Luật bảo hiểm xã hội sửa đổi, dự kiến sẽ trình Quốc hội lần 1 vào Kỳ họp tháng 10 năm 2023. Theo kế hoạch, Luật sẽ tập trung vào những nội dung sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết 28/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội hướng đến xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, bao phủ toàn dân.

- Nghiên cứu và hoàn thiện hồ sơ Luật việc làm, đồng thời triển khai nghiên cứu tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật người cao tuổi, Luật người khuyết tật để nâng cao hiệu quả thực hiện và có cơ sở sửa đổi, bổ sung các luật này trong thời gian tới.

Về phía địa phương, các tỉnh, thành đều chú trọng chính sách an sinh, xã hội để hỗ trợ người lao động, đặc biệt trong bối cảnh tình trạng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid. Các chính sách được triển khai tương đối đa dạng từ tăng cường kết nối doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ tài chính, tập huấn, tuyên truyền và đào tạo.

### *b. Đánh giá tác động của Hiệp định CPTPP, EVFTA đến vấn đề lao động, việc làm và xã hội và đề xuất các giải pháp để thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP và EVFTA*



Trong năm 2020, Bộ LĐTBXH đã xây dựng báo cáo “Đánh giá tác động định hướng của Hiệp định CPTPP và EVFTA lên vấn đề lao động và việc làm đến năm 2025”. Mục tiêu của báo cáo nhằm đưa ra tác động mà Hiệp định CPTPP và EVFTA mang lại trong lĩnh vực lao động, việc làm từ đó đề ra các giải pháp trong ngắn hạn và dài hạn đối với Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

*c. Tiếp tục thúc đẩy thực thi đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định đa phương về môi trường, bảo tồn và bảo vệ động thực vật hoang dã. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.*

Liên quan đến việc thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn thiện hệ thống Cấp Giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES.

Đồng thời, Bộ NNPTNT đã hoàn thiện hệ thống Cấp Chứng chỉ CITES và thực hiện việc cấp Chứng chỉ CITES mẫu vật tiền Công ước mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES (thực thi Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp).

Về phía các địa phương, hầu hết các tỉnh, thành đều chú trọng công tác bảo vệ môi trường thông qua các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về tài nguyên môi trường, chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra môi trường để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm. Bên cạnh đó, một số nơi còn ban hành các văn bản pháp luật để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường.

*d. Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai các biện pháp chống lại các hành vi đánh bắt thủy sản bất hợp pháp*

Về mặt pháp lý, Việt Nam đã xây dựng các văn bản pháp luật và hoàn thiện phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, tạo thuận lợi cho việc ngăn chặn các hành vi khai thác IUU. Đặc biệt, Luật Thủy sản 2017 cơ bản nội luật hóa các khuyến nghị của EC về phòng chống khai thác IUU. Ngày 14 tháng 9 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025” với mục tiêu ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác IUU, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của EC; phát triển nghề cá Việt Nam theo hướng bền vững, có trách nhiệm và hội nhập quốc tế...

Đối với địa phương và doanh nghiệp, công tác quản lý, theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của tàu cá đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đến nay, hơn



95% tàu cá đã được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS), hơn 96,5% số lượng tàu cá được thực hiện đóng dấu; việc xử phạt các hành vi khai thác IUU cũng đang được triển khai nghiêm túc với hơn 1700 vụ trong 2021 và gần 1000 vụ (từ đầu năm 2022 đến nay); thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, phổ biến, cập nhật thông tin nâng cao nhận thức của người dân.

Về hợp tác quốc tế, Việt Nam tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế triển khai các biện pháp phòng chống, khai thác IUU và đạt nhiều kết quả tích cực. Cụ thể, ta đã gia nhập Hiệp định Biện pháp quốc gia có cảng của FAO và Hiệp định di cư của Liên hợp quốc, tham gia sáng kiến của ASEAN “Xây dựng lộ trình chống khai thác IUU giai đoạn 2020 – 2025”. Việc EC áp thẻ vàng IUU đối với xuất khẩu thủy sản của ta khiến cho ngành thủy sản Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong khi xuất khẩu thủy sản là một ngành thế mạnh và có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam.

Với khu vực, Việt Nam có vùng Đặc quyền kinh tế được xác lập phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tuy nhiên chồng lấn với chủ trương vùng Đặc quyền kinh tế của một số nước (Indonesia, Malaysia, Philippine, Trung Quốc...); ta đang tích cực đàm phán phân định các vùng biển chồng lấn với các nước liên quan. Trong quá trình đó, việc ngư dân Việt Nam tổ chức khai thác trên các vùng biển thuộc vùng Đặc quyền kinh tế được xác lập với UNCLOS nhưng có chồng lấn với vùng biển nước ngoài thì không nên bị coi là vi phạm vùng biển nước ngoài. Đặc biệt, Trung Quốc lưu hành yêu sách phi pháp “đường chín đoạn” và ban hành Lệnh cấm bắt cá hàng năm đã gây bất lợi cho ngư dân ta.

### III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

Mặc dù những số liệu nêu trên đã cho thấy những kết quả tích cực mà các Hiệp định FTA này mang lại. Tuy nhiên, quá trình thực thi vẫn bộc lộ một số khó khăn và tồn tại cần lưu ý như sau:

#### 3.1. Về hiệu quả tận dụng các FTA

*Thứ nhất*, xuất khẩu sang các thị trường FTA lớn như EU, CPTPP (Ca-na-đa và Mê-hi-cô), Vương quốc Anh dù tăng trưởng tích cực trong thời gian qua nhưng tỷ trọng của các thị trường này còn tương đối khiêm tốn (nhiều tỉnh tỷ lệ này chưa đến 10%). Ngoài ra, tỷ lệ tận dụng ưu đãi chưa đạt được như kỳ vọng, ví dụ tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong CPTPP khoảng gần 5%, trong EVFTA khoảng gần 26% và trong UKVFTA khoảng gần 24%.

*Thứ hai*, các doanh nghiệp FDI vẫn chiếm tỷ trọng đa số trong kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn của Việt Nam như giày dép, da giày, điện thoại và linh kiện, máy móc thiết bị. Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu vẫn thực hiện gia công hoặc xuất khẩu nguyên liệu, bán thành phẩm. Việc xây



dựng và định vị thương hiệu cho các mặt hàng “Made in Viet Nam” tại thị trường khó tính như thị trường các nước FTA chưa được quan tâm, v.v..

*Thứ ba*, số lượng các doanh nghiệp xuất khẩu sang các thị trường FTA còn khiêm tốn. Số lượng các doanh nghiệp nhập khẩu nhìn chung thấp hơn số lượng doanh nghiệp xuất khẩu. Nhiều doanh nghiệp mới chỉ tham gia được một số công đoạn của chuỗi cung ứng; khả năng đáp ứng, tuân thủ các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và các yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam vẫn còn hạn chế, nhất là trong bối cảnh nhiều thị trường nhập khẩu ngày càng nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật, hàng rào phi thuế quan; doanh nghiệp thiếu chủ động trong đáp ứng đủ các tiêu chuẩn để hưởng ưu đãi.

*Thứ tư*, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu dưới dạng thô hoặc theo đơn đặt hàng gia công của các nhà nhập khẩu nước ngoài. Số lượng doanh nghiệp Việt Nam xây dựng được thương hiệu xuất khẩu sang các thị trường FTA còn hạn chế.

### *3.2. Về hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin*

Số lượng các hội nghị, hội thảo được tổ chức rất nhiều nhưng nhiều khi bị chồng chéo, trùng lặp nội dung, dẫn đến lãng phí nguồn lực. Theo thống kê sơ bộ, riêng trong năm 2022, số lượng các hội nghị, hội thảo hoặc tập huấn về Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong năm 2022 là khoảng 347 sự kiện, tức là 1 ngày diễn ra 1 sự kiện. Có những trường hợp cùng 1 nơi diễn ra 2-3 hội nghị, hội thảo cùng 1 nội dung do các cơ quan khác nhau tổ chức.

Ngoài ra, một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp còn thờ ơ, chưa quan tâm đến việc tham gia các hội nghị, hội thảo về các FTA, đặc biệt còn tình trạng nhiều sự kiện tổ chức về FTA có số doanh nghiệp tham dự chỉ đạt 1/3-1/2 doanh nghiệp được mời.

Thêm vào đó, thông tin phổ biến, tuyên truyền tại các địa phương còn mang tính chất chung chung, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, một số doanh nghiệp xuất khẩu lớn, có bề dày hoạt động đã nắm được thông tin nên chưa thực sự quan tâm đến các hoạt động tuyên truyền.

### *3.3. Về công tác xây dựng pháp luật, thể chế*

Việc ban hành các văn bản thực thi cam kết về cơ bản là đúng tiến độ và yêu cầu nhưng đôi khi vẫn có văn bản chưa kịp ban hành, ví dụ như văn bản liên quan đến việc dành ưu đãi thuế quan cho các nước mới phê chuẩn Hiệp định CPTPP như Ma-lai-xia, Chi-lê và Bru-nây. Ngoài ra, có một số văn bản chưa được ban hành như Nghị định về hàng tân trang, Nghị định hướng dẫn thực thi Bộ luật Lao động về tổ chức đại diện của người lao động và thương lượng tập thể.



### **3.4. Về nhân lực triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch thực thi**

*Thứ nhất*, số lượng cán bộ trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ thực thi các FTA tại các địa phương còn rất hạn chế (chỉ 1-2 người) lại chủ yếu là kiêm nhiệm. Thêm vào đó, kinh nghiệm và chuyên môn chuyên về các FTA, nhất là việc thực thi các FTA chưa có điều kiện được đào tạo và trau dồi thường xuyên. Đây là vấn đề hầu hết các tỉnh, thành nêu ra trong báo cáo thực thi của mình.

*Thứ hai*, số lượng các cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn sâu về FTA, có khả năng thực hiện việc đào tạo và hỗ trợ cho các tỉnh, thành còn rất thiếu và cũng phải kiêm nhiệm các công việc khác. Điều này ảnh hưởng đến việc tạo ra nguồn nhân lực hỗ trợ cho các địa phương thực thi các FTA.

*Thứ ba*, nhân lực trong các doanh nghiệp nắm rõ các quy định về FTA có liên quan đến trực tiếp hoạt động của họ, ví dụ như quy tắc xuất xứ, hải quan, tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu... hầu như chưa có, khiến cho các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc hiểu và nắm bắt cơ hội từ các FTA.

### **3.5. Về các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp**

*Thứ nhất*, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực vẫn được triển khai tại các địa phương nhưng phần lớn các hoạt động này chủ yếu được thực hiện trong khuôn khổ chính sách phát triển chung của tỉnh, không phải dành riêng cho việc thực thi FTA nào đó. Điều này dẫn đến hoạt động hỗ trợ mang tính dàn trải, chưa có điều kiện tập trung vào các lĩnh vực hoặc ngành hàng có thế mạnh của tỉnh và có cơ hội tiếp cận thị trường từ các FTA.

*Thứ hai*, nhiều doanh nghiệp Việt Nam có chuyên môn, kinh nghiệm và khả năng tạo ra các sản phẩm tốt, chất lượng, có mong muốn xây dựng thương hiệu Việt nhưng thiếu nguồn vốn thực hiện. Các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tận dụng cơ hội xuất khẩu từ các FTA chưa phát huy được hiệu quả tối đa để đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành có liên quan với các ngân hàng thương mại cần hiệu quả hơn nữa nhằm tạo nguồn tài chính phù hợp cho các doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA trong khi vẫn đảm bảo các cam kết quốc tế của Việt Nam.

*Thứ ba*, hoạt động xúc tiến thương mại, cập nhật thông tin cũng như kết nối thương mại tại các thị trường CPTPP, EVFTA và UKVFTA dù được đẩy mạnh hơn sau khi có hiệu lực nhưng chưa đáp ứng đủ yêu cầu của doanh nghiệp. Do nguồn kinh phí và nhân lực còn hạn chế nên các cơ quan quản lý và doanh nghiệp chưa đủ điều kiện thúc đẩy hơn nữa hoạt động này.

### **3.6. Về công tác thống kê số liệu xuất nhập khẩu và đầu tư**



Việc thống kê số liệu xuất nhập khẩu và đầu tư theo Hiệp định, ngành hàng và tỉnh, thành một cách đồng bộ, chính xác còn gặp nhiều thách thức. Trong báo cáo thực thi gửi Bộ Công Thương, nhiều tỉnh thành không thể cung cấp đầy đủ số liệu về xuất nhập khẩu hoặc đầu tư của mình hoặc nếu có cung cấp thì số liệu tương đối hạn chế. Ngoài ra, các địa phương cho biết gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn số liệu thống kê chính thức. Về khó khăn đối với số liệu thống kê, Bộ Công Thương đã báo cáo và Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo các đơn vị trực thuộc giải quyết nhưng trong công văn gửi cho Bộ Công Thương, 2 Bộ cho biết các vấn đề này gặp nhiều khó khăn về mặt kỹ thuật.

Những hạn chế về mặt thống kê số liệu xuất nhập khẩu và đầu tư cũng ảnh hưởng không nhỏ tới công tác dự báo, đánh giá và thực thi hiệu quả các FTA.

### *3.7. Về an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững*

Mặc dù hầu hết các tỉnh, thành đều triển khai các hoạt động bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững nhưng kết quả thực thi còn dư địa để tốt hơn. Đối với vấn đề lao động, nhiều tỉnh, thành chưa báo cáo việc phổ biến và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nắm rõ các cam kết về lao động trong các FTA thế hệ mới cũng như thách thức khi thực hiện các cam kết này. Đối với vấn đề môi trường, nhiều cơ quan, tổ chức còn lúng túng và chưa nắm rõ các quy định liên quan trong các FTA.

Trong thời gian gần đây, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được quan tâm trên thế giới, đặc biệt tại các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như EU, Hoa Kỳ.... Hiện nay, không chỉ các cơ quan quản lý tại các nước này đặt ra các quy định và tiêu chuẩn về lao động và môi trường đối với hàng nhập khẩu mà ngay cả người tiêu dùng cũng nghiêng sự lựa chọn dành cho các sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn về phát triển bền vững. Dù vậy, rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa biết, chưa hiểu và chưa nắm rõ các vấn đề này và vì vậy chưa chuẩn bị sẵn sàng hoặc chưa có đủ nguồn lực triển khai. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam sang các thị trường lớn như EU và Hoa Kỳ.

### *3.8. Nguồn kinh phí thực thi các FTA*

Trong Kế hoạch thực thi, mặc dù Chính phủ đã chỉ đạo bố trí nguồn kinh phí cho các Bộ, ngành và tỉnh, thành thực thi các FTA nhưng cho đến nay nguồn kinh phí được cấp còn khiêm tốn. Phần lớn các tỉnh, thành chưa được cấp nguồn kinh phí riêng để thực thi các FTA, chủ yếu sử dụng nguồn kinh phí chung dành cho hội nhập (phần lớn khá hạn chế). Ngay ở cấp Bộ, hầu hết các Bộ ngành cũng sử dụng nguồn kinh phí dành cho hội nhập, chưa có kinh phí riêng thực hiện các FTA. Riêng Bộ Công Thương với tư cách là cơ quan chủ trì thực thi các FTA được cấp kinh phí thực hiện nhưng con số được cấp thấp hơn rất nhiều so với mức đề nghị.



## IV. NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Nguyên nhân

*Thứ nhất*, tình hình kinh tế trên thế giới biến động và gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga và Ukraine, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, tổng cầu suy giảm và điều này ảnh hưởng trực tiếp tới đơn hàng cũng như khả năng tiếp cận các thị trường FTA của doanh nghiệp Việt Nam.

*Thứ hai*, công tác tuyên truyền dù được đẩy rất mạnh nhưng phần lớn còn chung chung, chưa tập trung vào các nội dung cụ thể được doanh nghiệp quan tâm. Thêm vào đó, sự chồng chéo và trùng lặp trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo của các cơ quan, tổ chức ở cả trung ương và địa phương còn phổ biến. Việc này Bộ Công Thương đã báo cáo và Thủ tướng Chính phủ đã giao các Bộ, ngành và địa phương tăng cường phối hợp với Bộ Công Thương trong công tác tuyên truyền để tránh trùng lặp, lãng phí nhưng chưa đạt kết quả. Ngoài ra, một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp Việt Nam còn thờ ơ, thiếu quan tâm đến việc tham gia các hoạt động tuyên truyền cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác này.

*Thứ ba*, sự quan tâm và chủ động vào cuộc của nhiều địa phương trong việc thực thi các FTA chưa được như mong đợi. Điều này cũng một phần là do đội ngũ cán bộ ở các cơ quan, địa phương tham mưu về công tác hội nhập kinh tế quốc tế còn mỏng, chưa được đào tạo bài bản và cập nhật thường xuyên về các thông tin hay kiến thức cần thiết phục vụ cho công việc của mình.

*Thứ tư*, về phía các doanh nghiệp, hiện tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ năng lực cạnh tranh còn yếu, giá thành còn cao, chất lượng còn thấp so với tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời chưa thực sự chú trọng nâng cao trình độ quản trị, chất lượng nguồn nhân lực; chưa chú trọng xây dựng, phát triển thương hiệu và xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn; chưa thực sự quan tâm đến các vấn đề như bảo hộ thương hiệu, các chứng nhận được công nhận tại các quốc gia nhập khẩu..., đặc biệt là vấn đề phát triển bền vững, công tác tiếp cận thị trường còn hạn chế; hạ tầng, dịch vụ phục vụ cho công tác tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ xuất khẩu, xúc tiến thương mại còn yếu và thiếu. Ngoài ra, nhiều rất nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ mục tiêu tận dụng các FTA của Việt Nam.

*Thứ năm*, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu thực hiện gia công theo đơn hàng của nhà nhập khẩu, nhập nguyên liệu sản xuất từ các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ không đạt tiêu chí về quy tắc xuất xứ theo các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

*Thứ sáu*, các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh như phá giá sản phẩm... còn xảy ra khá phổ biến, các sản phẩm nông sản hoặc sản phẩm chủ lực tại



hầu hết các tỉnh thành có sự phân bố rộng khắp, dàn trải, không tập trung, sản lượng nhỏ lẻ, gây khó khăn cho hoạt động nâng cao năng lực theo ngành, nghề.

*Thứ bảy*, việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp tại các địa phương còn dàn trải, không tập trung vào các ngành và lĩnh vực thế mạnh của địa phương. Thêm vào đó, các hoạt động triển khai chưa có tính liên tục, kết nối và lâu dài để tạo hiệu ứng và hiệu quả bền vững. Đơn cử như hiện nay phần lớn các tỉnh, thành dù có tổ chức các Hội nghị, hội thảo giới thiệu cơ hội về các FTA nhưng không có các hoạt động tiếp theo để triển khai kết quả của các Hội nghị và hội thảo này. Ngoài ra, việc kết nối giữa các doanh nghiệp Việt Nam còn lỏng lẻo, chưa chặt chẽ để tạo ra sức mạnh tập thể trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài. Các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh như phá giá sản phẩm... còn xảy ra khá phổ biến.

*Thứ tám*, vấn đề thiếu kinh phí thực thi tiếp tục là một vấn đề lớn. Việc này dù Bộ Công Thương đã báo cáo nhiều lần và Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo nhưng cho đến nay khó khăn này chưa được khắc phục. Đây là vấn đề cần được giải quyết để đem lại hiệu quả tận dụng các FTA tốt hơn nữa cho Việt Nam. Có thể nhận thấy các FTA có tiêu chuẩn cao như CPTPP và EVFTA đem lại cho Việt Nam hàng chục tỷ USD xuất khẩu thì việc bố trí đủ kinh phí để tận dụng và thực thi các Hiệp định này để bảo đảm các lợi ích ta đã và đang nhận được sẽ ổn định và phát triển bền vững là rất cần thiết.

## **2. Các giải pháp đề xuất**

Để giải quyết các nguyên nhân nêu trên, tăng cường hiệu quả tận dụng các FTA thế hệ mới, Bộ Công Thương xin kiến nghị một số giải pháp như sau:

### **2.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến**

1. Hạn chế các Hội nghị, hội thảo mang tính chung chung, khái quát về các FTA, tập trung xây dựng các nội dung mang tính chuyên đề, hướng vào các vấn đề mà doanh nghiệp quan tâm, phải cụ thể, sát với thực tế, đặc biệt cần chú trọng tuyên truyền các nội dung về phát triển bền vững (lao động, môi trường...), cách thức tận dụng ưu đãi và tổ chức đối thoại tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục của các doanh nghiệp khi tham gia các FTA mà Việt Nam đã ký kết.

2. Đa dạng hoạt động tuyên truyền, mở rộng hình thức tuyên truyền, không chỉ dừng lại ở các hội nghị, hội thảo, xuất bản sách, ấn phẩm mà cần xây dựng các hình thức tuyên truyền trực tuyến đa dạng, sinh động, rõ ràng, dễ hiểu và có giá trị chuyên môn cao.

3. Tăng cường phối hợp giữa Bộ Công Thương là đơn vị chủ trì với các Bộ, ngành và địa phương cũng như các Hiệp hội trong hoạt động tuyên truyền. Các Bộ,



ngành, địa phương và Hiệp hội cần gửi thông báo cho Bộ Công Thương về các hoạt động tuyên truyền về các FTA của mình để Bộ Công Thương tổng hợp, chia sẻ công khai trên Cổng thông tin của Chính phủ về FTA (FTA Portal) để các cơ quan tổ chức nắm được, tránh tổ chức chồng chéo và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận và tìm hiểu.

4. Tăng cường hơn nữa phối hợp giữa các Bộ, ngành với các kênh thông tin đại chúng, đặc biệt là các kênh thông tin điện tử trong việc cung cấp thông tin phù hợp cho từng nhóm đối tượng, chất lượng và kịp thời để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Đẩy nhanh việc kiện toàn và nâng cấp Cổng thông tin của Chính phủ về FTA (FTA Portal), giao các Bộ, ngành và địa phương phối hợp tích cực hơn nữa với Bộ Công Thương trong việc cung cấp và cập nhật nội dung, số liệu để FTA Portal thực sự là cổng thông tin hữu ích cho doanh nghiệp, giúp kết nối doanh nghiệp với các cơ quan quản lý trung ương và địa phương trong quá trình tận dụng FTA.

## *2.2. Nhóm giải pháp về thể chế*

1. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và ban hành các văn bản thực thi các cam kết trong FTA, đặc biệt là các văn bản có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như thuế, quy tắc xuất xứ... Ngoài ra, định kỳ rà soát việc thực thi, nhanh chóng xử lý vướng mắc, bất cập trong việc thực thi các văn bản này.

2. Tiếp tục triển khai rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm phù hợp với các cam kết trong các FTA đã có hiệu lực.

3. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phê chuẩn các Công ước quốc tế và thực thi các tiêu chuẩn lao động quốc tế có liên quan đảm bảo thực thi cam kết trong các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

## *2.3. Nhóm giải pháp về các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp*

1. Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng hệ sinh thái tận dụng cơ hội từ các FTA. Do nguồn lực có hạn nên trước mắt mỗi tỉnh, thành tập trung xác định 1-2 lĩnh vực hoặc ngành hàng chủ lực để xây dựng hệ sinh thái, nếu thành công sẽ lan tỏa sang các lĩnh vực khác. Để hỗ trợ cho hệ sinh thái này, các cơ quan quản lý trung ương và địa phương cần kết nối chặt chẽ với nhau để xây dựng chính sách, các biện pháp hỗ trợ cụ thể, phù hợp cho lĩnh vực hoặc ngành hàng chủ lực được lựa chọn.

2. Xem xét dành nguồn vốn riêng để hỗ trợ các doanh nghiệp tận dụng các FTA. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan làm việc cụ thể hơn với các ngân hàng thương mại để xây dựng nguồn tín



dụng phù hợp hỗ trợ cho các doanh nghiệp muốn nâng cao năng lực sản xuất để tận dụng cơ hội từ các FTA (có thể là các lãi suất ưu đãi phù hợp với cam kết quốc tế, điều kiện tiếp cận tín dụng thuận lợi hơn...) Ngoài ra, cần chủ động tìm kiếm, kết nối và hợp tác với các Tổ chức tín dụng quốc tế như IFC, WB, ADB hay các nguồn tài chính hợp pháp khác để tạo nguồn vốn giúp các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm kịp thời đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao từ các thị trường xuất khẩu cũng như thị hiếu của người tiêu dùng trên thế giới.

3. Có chính sách tổng thể hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng nguồn nguyên liệu “nội khối” nhằm đáp ứng tiêu chí xuất xứ theo quy định của từng FTA.

4. Nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam hướng tới xuất, nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, hướng tới ổn định, lâu dài, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

#### *2.4. Nhóm giải pháp về nhân lực*

1. Bổ sung nhân lực chuyên trách về thực thi các FTA tại các địa phương. Vấn đề này đã được Bộ Công Thương báo cáo và Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo. Điều này là hết sức cần thiết để nâng cao hiệu quả thực thi các FTA tại các tỉnh, thành.

2. Triển khai các khóa đào tạo nhân lực chuyên về FTA cho các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp cũng như tăng cường bổ sung và đào tạo nguồn cán bộ chuyên gia hiểu biết về FTA, giúp mở rộng số lượng người có thể đào tạo về nội dung này.

3. Tạo nguồn nhân lực lâu dài hiểu biết và nắm rõ về các FTA thông qua triển khai đào tạo từ cấp Đại học, cao đẳng bằng cách đưa các nội dung FTA vào giáo trình đào tạo. Tuy nhiên, cần chú ý xây dựng nội dung đào tạo cụ thể, có tính thực tiễn cao.

#### *2.5. Nhóm giải pháp về số liệu thống kê*

Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các địa phương trao đổi, tìm kiếm hướng giải pháp về tổng hợp, thống kê số liệu xuất nhập khẩu, đầu tư, bảo đảm việc tiếp cận thuận lợi và nhanh chóng cho các cơ quan quản lý trung ương và địa phương.

#### *2.6. Nhóm giải pháp khác*



1. Khẩn trương xây dựng Bộ chỉ số đánh giá thực thi FTA tại các địa phương (FTA Index) để có thể công bố vào cuối năm 2023.

2. Cần cấp đủ kinh phí thực thi FTA cho các Bộ, ngành và địa phương, đồng thời cần có hướng dẫn cụ thể cho việc tiếp cận và sử dụng nguồn kinh phí này. Đây là việc Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo.

3. Tranh thủ và phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng mới, nhất là kinh tế số, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, ứng phó với biến đổi khí hậu, thu hút nguồn tài chính xanh...

### 3. Kiến nghị

Trên cơ sở báo cáo như trên và tổng hợp báo cáo thực thi và ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương (đính kèm công văn này), Bộ Công Thương kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

1. Giao Bộ Tài chính bố trí bổ sung đủ kinh phí cho các cơ quan thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA theo tinh thần chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại công văn số 4721/VPCP-QHQT ngày 14 tháng 7 năm 2021.

2. Giao Bộ Công Thương chủ trì, tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các hiệp hội ngành nghề đa dạng hình thức tuyên truyền, hạn chế các nội dung chung chung, tập trung vào các nội dung cụ thể được doanh nghiệp quan tâm, đặc biệt chú trọng tới các vấn đề phát triển bền vững (lao động, môi trường...).

3. Giao Bộ Công Thương hàng năm xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về các FTA để các Bộ, ngành và các tỉnh, thành cùng triển khai. Trong thời gian chưa có Kế hoạch tuyên truyền thống nhất, đề nghị các Bộ, ngành và địa phương thông báo cho Bộ Công Thương kế hoạch triển khai các hoạt động tuyên truyền về các FTA để tăng cường công tác phối hợp, tránh trùng lặp và lãng phí.

4. Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương chủ động và tích cực phối hợp với Bộ Công Thương trong việc vận hành và nâng cấp Cổng thông tin điện tử quốc gia về các FTA (FTAP), bảo đảm cung cấp đủ nội dung, thông tin để Cổng hoạt động hiệu quả.

5. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và hiệp hội ngành nghề liên quan chủ động xây dựng các hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA, trước mắt tập trung vào một số mặt hàng chủ lực tại từng địa phương.

6. Giao Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các



Bộ, ngành liên quan triển khai các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn tín dụng phù hợp để tận dụng các FTA của Việt Nam, đặc biệt các doanh nghiệp muốn nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn về phát triển bền vững.

7. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các hiệp hội ngành nghề tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyên sâu về các FTA để tạo nguồn nhân lực hiểu biết về FTA cho các địa phương, các doanh nghiệp.

8. Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương triển khai việc đưa các nội dung đào tạo về FTA vào chương trình giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019.

9. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thống nhất phương pháp thống kê số liệu về đầu tư, xuất nhập khẩu liên quan đến thực thi các FTA cũng như cơ chế chia sẻ, cung cấp thông tin về các số liệu này cho các địa phương.

10. Giao Bộ Công Thương khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực thi FTA tại các địa phương (FTA Index) để có thể công bố vào cuối năm 2023.

11. Giao Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp cùng các Bộ, ngành cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu xây dựng Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến và sớm ban hành Nghị định quy định về tổ chức đại diện của người lao động và thương lượng tập thể. Ngoài ra, cần tăng cường công tác truyền thông, tập huấn về việc thực thi các tiêu chuẩn lao động quốc tế có liên quan và các quy định về pháp luật lao động theo cam kết trong các FTA nhằm nâng cao nhận thức, hiểu đúng để đảm bảo thực thi cam kết tại các cơ quan bộ, ngành từ trung ương tới địa phương và tuân thủ của doanh nghiệp.

12. Giao Bộ Công Thương sớm hoàn tất thủ tục để ban hành Nghị định quy định về hàng tân trang.

13. Giao Bộ Tài chính sớm hoàn tất thủ tục để ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định 115/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Hiệp định CPTPP giai đoạn 2022-2027 để bổ sung quy định áp dụng đối với Ma-lai-xi-a, Chi-lê và Bru-nây.

14. Giao Bộ Tư pháp tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhằm thực thi các cam kết trong các FTA, rà soát các bất cập, vướng mắc trong quá trình thực thi các văn bản được ban hành.



15. Giao các Bộ, ngành, địa phương bám sát và nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP, Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 6 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA cũng như các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP và EVFTA cụ thể của từng Bộ, ngành, địa phương, bám sát và nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 1153/VPCP-QHQT ngày 15 tháng 02 năm 2020, của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 4721/VPCP-QHQT ngày 14 tháng 7 năm 2021. Trong đó, chú trọng các biện pháp cải cách thủ tục hành chính, tăng cường các biện pháp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng và doanh nghiệp, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về mặt chính sách để tạo điều kiện cho việc phát triển nguồn nguyên liệu trong nước giúp doanh nghiệp đáp ứng quy tắc xuất xứ của Hiệp định.

Trên đây là báo cáo của Bộ Công Thương về tình hình triển khai Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong năm 2022 của các Bộ, ngành, địa phương. Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo. ✓

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ban KTTW, UBĐNQH;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thứ trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân;
- Các Vụ/Cục: KH, TCĐMDN, PC, AM, AP, KHCN, XNK, PVTM, CT, XTTM, VPB, VPBCĐLNKT;
- Lưu: VT, ĐB (2).

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Hồng Diên**